

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Duy Hải;
2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa:** Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-9-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14-10-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: 12/4 tổ 4, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn TH, sinh năm 1971; địa chỉ thường trú: 12/4 tổ 4, khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn TH có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76, quyển số 01.2002 ngày 04-10-2002. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2018 đến nay thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng

quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thống nhất được các ý kiến về việc nuôi dạy con cái, kinh tế gia đình. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân. Bà T và ông TH đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn TH.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Nguyễn Phương T, sinh ngày 28-8-2002 và Võ Nguyễn Nhật T, sinh ngày 20-9-2007. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu ông TH cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Trường hợp ông TH muốn nuôi 02 con chung thì bà T đồng ý giao các con cho ông TH nuôi và bà T không cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Bà T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

***Bị đơn ông Võ Văn TH trình bày:***

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Võ Văn TH thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ông TH xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, lâu lâu vợ chồng cũng hay cãi nhau những việc nhỏ nhất trong gia đình, khi tức giận ông TH có mắng chửi và đuổi bà T đi nhưng ông TH vẫn còn thương vợ con, bà T tự nộp đơn ly hôn chứ ông TH không muốn ly hôn với bà T. Vì vậy, ông TH không đồng ý ly hôn với bà T.

+ *Về con chung:* Ông TH thống nhất với lời trình bày của bà T về con chung. Ông TH không đồng ý ly hôn tuy nhiên trường hợp ly hôn thì ông TH yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Ông TH tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn TH đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương về mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông TH thì chính quyền địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố

tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Văn TH được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn TH có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76, quyền số 01.2002 ngày 04-10-2002, là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị T xác định từ năm 2018 đến nay vợ chồng không còn sống chung và không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thống nhất được các ý kiến về việc nuôi dạy con cái, kinh tế gia đình, từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Bị đơn ông Võ Văn TH xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông TH vẫn còn thương vợ con, nên không đồng ý ly hôn với bà T. Tuy nhiên, hiện tại bà T và ông TH đều không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *“Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn TH không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông TH là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông TH là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Nguyễn Phương Th, sinh ngày 28-8-2002 và Võ Nguyễn Nhật T, sinh ngày 20-9-2007. Khi ly hôn ông T và ông TH đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tại bản trình bày ý kiến, con chung Võ Nguyễn Phương Th có nguyện vọng xin được

sống với bà T; con chung Võ Nguyễn Nhật T có nguyện vọng xin được sống với ông TH. Xét thấy, các con chung hiện đang sống chung với bà T, bà T có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông TH cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Yêu cầu của bà T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Võ Văn TH như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Võ Văn TH.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Nguyễn Phương Th, sinh ngày 28-8-2002 và Võ Nguyễn Nhật T, sinh ngày 20-9-2007 cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn TH đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Võ Văn TH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0036859 ngày 30-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Văn TH phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tâm**